**Chương IV: SINH SẢN**

1. **SINH SẢN Ở THỰC VẬT.**
2. Sự hình thành giao tử đực ở cây có hoa diễn ra như thế nào?

**A.** Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử  1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn Tế bào sinh sản giảm phân tạo 4 giao tử đực.

**B.** Tế bào mẹ nguyên phân hai lần cho 4 tiểu bào tử  1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn Tế bào sinh sản nguyên phân1 lần tạo 2 giao tử đực.

**C.** Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử  1 tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 2 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn Tế bào sinh sản nguyen phân 1 lần tạo 2 giao tử đực.

**D.** Tế bào mẹ giảm phân cho 4 tiểu bào tử  Mỗi tiểu bào tử nguyên phân 1 lần cho 1 hạt phấn chứa 1 tế bào sinh sản và 1 tế bào ống phấn Tế bào sinh sản nguyên phân một lần tạo 2 giao tử đực.

1. Sinh sản bào tử có ở những ngành thực vật nào?

**A.** Rêu, hạt trần. **B.** Rêu, quyết. **C.** Quyết, hạt kín. **D.** Quyết, hạt trần.

1. Đa số cây ăn quả được trồng trọt mở rộng bằng:

**A.** Gieo từ hạt. **B.** Ghép cành. **C.** Giâm cành. **D.** Chiết cành.

1. Sinh sản vô tính là:

**A.** Tạo ra cây con giống cây mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

**B.** Tạo ra cây con giống cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

**C.** Tạo ra cây con giống bố mẹ, có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

**D.** Tạo ra cây con mang những tính trạng giống và khác cây mẹ, không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái.

1. Những cây ăn quả lâu năm người ta thường chiết cành là vì:

**A.** Dễ trồng và ít công chăm sóc.

**B.** Dễ nhân giống nhanh và nhiều.

**C.** để tránh sâu bệnh gây hại.

**D.** Rút ngắn thời gian sinh trưởng, sớm thu hoạch và biết trước đặc tính của quả.

1. Trong thiên nhiên cây tre sinh sản bằng:

**A.** Rễ phụ. **B.** Lóng. **C.** Thân rễ. **D.** Thân bò.

1. Sinh sản bào tử là:

**A.** Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và thể giao tử.

**B.** Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh do nguyên phân ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

**C.** Tạo ra thế hệ mới từ bào tử được phát sinh do giảm phân ở pha giao tử thể của những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và thể giao tử.

**D.** Tạo ra thế hệ mới từ hợp tử được phát sinh ở những thực vật có xen kẽ thế hệ thể bào tử và giao tử thể.

1. Đặc điểm của bào tử là:

**A.** Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây đơn bội.

**B.** Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây lưỡng bội.

**C.** Mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội và hình thành cây đơn bội.

**D.** Mang bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội và hình thành cây lưỡng bội.

1. Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

**A.** Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

**B.** Tạo được nhiều biến dị làm nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hoá.

**C.** Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

**D.** Là hình thức sinh sản phổ biến.

1. Sinh sản hữu tính ở thực vật là:

**A.** Sự kết hợp có chọn lọc của hai giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

**B.** Sự kết hợp ngẫu nhiên giữa hai giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

**C.** Sự kết hợp có chọn lọc của giao tử cái và nhiều giao tử đực tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

**D.** Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

1. Cần phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép là vì:

**A.** Để tránh gió, mưa làm lay cành ghép.

**B.** Để tập trung nước nuôi các cành ghép.

**C.** Để tiết kiệm nguồn chất dinh dưỡng cung cấp cho lá.

**D.** Loại bỏ sâu bệnh trên lá cây.

1. Ý nào không đúng với ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô?

**A.** Phục chế những cây quý, hạ giá thành cây con nhờ giảm mặt bằng sản xuất.

**B.** Nhân nhanh với số lượng lớn cây giống và sạch bệnh.

**C.** Duy trì những tính trạng mong muốn về mặt di truyền.

**D.** Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền tạo nguồn nguyên liệu cho chọn giống.

1. Đặc điểm của bào tử là:

**A.** Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán chỉ nhờ nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

**B.** Tạo được ít cá thể của một thế hệ, được phát tán nhờ gió, nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

**C.** Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán chỉ nhờ gió, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

**D.** Tạo được nhiều cá thể của một thế hệ, được phát tán nhờ gió, nước, đảm bảo mở rộng vùng phân bố của loài.

1. Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở thực vật?

**A.** Có khả năng thích nghi với điều kiện môi trường biến đổi.

**B.** Tạo ra nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho chọn gống và tiến hoá.

**C.** Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

**D.** Là hình thức sinh sản phổ biến.

1. Ý nào không đúng với ưu điểm của phương pháp nuôi cấy mô?

**A.** Phục chế giống cây quý, hạ giá thành cây con nhờ giảm mặt bằng sản xuất.

**B.** Nhân nhanh với số lượng lớn cây giống và sạch bệnh.

**C.** Duy trì những tính trạng mong muốn về mặt di truyền.

**D.** Dễ tạo ra nhiều biến dị di truyền cung cấp cho chọn giống.

1. Sinh sản sinh dưỡng là:

**A.** Tạo ra cây mới từ một phần của cơ quan sinh dưỡng ở cây.

**B.** Tạo ra cây mới chỉ từ rễ của cây.

**C.** Tạo ra cây mới chỉ từ một phần thân của cây.

**D.** Tạo ra cây mới chỉ từ lá của cây.

1. Thụ tinh ở thực vật có hoa là:

**A.** Sự kết hợp hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

**B.** Sự kết nhân của hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

**C.** Sự kết hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử.

**D.** Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng trong túi phôi.

1. Trong quá trình hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

**A.** 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

**B.** 2 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.

**C.** 1 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân.

**D.** 2 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

1. Bộ nhiễm sắc thể có mặt trong sự hình thành túi phôi ở thực vật có hoa như thế nào?

**A.** Tế bào mẹ, đại bào tử mang 2n; tế bào đối cực, tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n.

**B.** Tế bào mẹ, đại bào tử mang n, tế bào đối cực đều mang 2n; tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n.

**C.** Tế bào mẹ mang 2n; đại bào tử, tế bào đối cực, tế bào kèm, tế bào trứng, nhân cực đều mang n.

**D.** Tế bào mẹ, đại bào tử, tế bào đối cực, tế bào kèm đều mang 2n; tế bào trứng, nhân cực đều mang n.

1. Sự hình thành túi phôi ở thực vật có hoa diễn ra như thế nào?

**A.** Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử  1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 1 nhân cực.

**B.** Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử  mỗi đại bào tử nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 2 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

**C.** Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử  1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 2 tế bào đối cực, 3 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

**D.** Tế bào mẹ của noãn giảm phân cho 4 đại bào tử  1 đại bào tử sống sót nguyên phân cho túi phôi chứa 3 tế bào đối cực, 2 tế bào kèm, 1 tế bào trứng, 2 nhân cực.

1. Trong quá trình hình thành túi phôi ở thực vật có hoa có mấy lần phân bào?

**A.** 1 lần giảm phân, 1 lần nguyên phân. **B.** 1 lần giảm phân, 2 lần nguyên phân.

**C.** 1 lần giảm phân, 3 lần nguyên phân. **D.** 1 lần giảm phân, 4 lần nguyên phân.

1. Tự thụ phấn là:

**A.** Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhuỵ của cây khác cùng loài.

**B.** Sự thụ phấn của hạt phấn với nhuỵ của cùng một hoa hay khác hoa cùng một cây.

**C.** Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với cây khác loài.

**D.** Sự kết hợp của tinh tử của cây này với trứng của cây khác.

1. Ý nào không đúng khi nói về quả?

**A.** Quả là do bầu nhuỵ dày sinh trưởng lên chuyển hoá thành.

**B.** Quả không hạt đều là quả đơn tính.

**C.** Quả có vai trò bảo vệ hạt.

**D.** Quả có thể là phương tiện phát tán hạt.

1. Thụ tinh kép ở thực vật có hoa là:

**A.** Sự kết hợp của nhân hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

**B.** Sự kết hợp của hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.

**C.** Sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

**D.** Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.

1. Thụ phấn chéo là:

**A.** Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhuỵ của cây khác loài.

**B.** Sự thụ phấn của hạt phấn với nhuỵ của cùng một hoa hay khác hoa của cùng một cây.

**C.** Sự thụ phấn của hạt phấn cây này với nhuỵ của cây khác cùng loài.

**D.** Sự kết hợp giữa tinh tử và trứng của cùng hoa.

1. Ý nào không đúng khi nói về hạt?

**A.** Hạt là noãn đã được thụ tinh phát triển thành.

**B.** Hợp tử trong hạt phát triển thành phôi.

**C.** Tế bào tam bội trong hạt phát triển thành nội nhũ.

**D.** Mọi hạt của thực vật có hoa đều có nội nhũ.

1. Bản chất của sự thụ tinh kép ở thực vật có hoa là:

**A.** Sự kết hợp của nhân hai giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử.

**B.** Sự kết hợp của hai nhân giao tử đực với nhân của trứng và nhân cực trong túi phôi tạo thành hợp tử và nhân nội nhũ.

**C.** Sự kết hợp của hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội của giao tử đực và cái (trứng) trong túi phôi tạo thành hợp tử có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội.

**D.** Sự kết hợp của hai tinh tử với trứng ở trong túi phôi.

1. Bộ nhiễm sắc thể ở tế bào có mặt trong sự hình thành giao tử đực ở thực vật có hoa như thế nào?

**A.** Tế bào mẹ 2n; các tiểu bào tử, tế bào sinh sản, tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n.

**B.** Tế bào mẹ, các tiểu bào tử, tế bào sinh sản, tế bào ống phấn đều mang 2n, các giao tử mang n.

**C.** Tế bào mẹ, các tiểu bào tử 2n; tế bào sinh sản, tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n.

**D.** Tế bào mẹ, các tiểu bào tử, tế bào sinh sản 2n; tế bào ống phấn, các giao tử đều mang n.

1. Bộ nhiễm sắc thể của các nhân ở trong quá trình thụ tinh của thực vật có hoa như thế nào?
2. Nhân của giao tử n, của nhân cực 2n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nội nhũ 2n.
3. Nhân của giao tử n, của nhân cực 2n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nội nhũ 4n.

**C.** Nhân của giao tử n, của nhân cực n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nội nhũ 3n.

**D.** Nhân của giao tử n, của nhân cực 2n, của trứng là n, của hợp tử 2n, của nội nhũ 3n.

1. Thụ phấn là:

**A.** Sự kéo dài ống phấn trong vòi nhuỵ.

**B.** Sự di chuyển của tinh tử trên ống phấn.

**C.** Sự nảy mầm của hạt phấn trên núm nhuỵ

**D.** Sự rơi hạt phấn vào núm nhuỵ và nảy mầm.

**B. SINH SẢN Ở ĐỘNG VẬT**

1. Đặc điểm nào không đúng với sinh sản vô tính ở động vật?

**A.** Cá thể có thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn sinh sản bình thường.

**B.** Đảm bảo sự ổn định về mặt di truyền qua các thế hệ cơ thể.

**C.** Tạo ra số luợng lớn con cháu trong thời gian ngắn.

**D.** Có khả năng thích nghi cao với sự thay đổi của điều kiện môi trường.

1. Điều nào không đúng khi nói về hình thức thụ tinh ở động vật?

**A.** Thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái diễn ra bên ngoài cơ thể con cái.

**B.** Thụ tinh ngoài là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái diến ra bên trong cơ thể con cái.

**C.** Thụ tinh trong làm tăng tỷ lệ sống sót của con non.

**D.** Thụ tinh trong làm tăng hiệu quả thụ tinh.

1. Sinh sản vô tính ở động vật là:

**A.** Một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống và khác mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

**B.** Một cá thể luôn sinh ra nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

**C.** Một cá thể sinh ra một hay nhiều cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

**D.** Một cá thể luôn sinh ra chỉ một cá thể giống mình, không có sự kết hợp giữa tinh trùng và trứng.

1. Sinh sản vô tính ở động vật dựa trên những hình thức phân bào nào?

**A.** Trực phân và giảm phân. **B.** Giảm phân và nguyên phân.

**C.** Trực phân và nguyên phân. **D.** Trực phân, giảm phân và nguyên phân.

1. Các hình thức sinh sản nào chỉ có ở động vật không xương sốmg?

**A.** Phân mảnh, nảy chồi. **B.** Phân đôi, nảy chồi.

**C.** Trinh sinh, phân mảnh. **D.** Nảy chồi, phân đôi.

1. Sinh sản hữu tính ở động vật là:

**A.** Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

**B.** Sự kết hợp ngẫu nhiên của hai giao tử đực và cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

**C.** Sự kết hợp có chọn lọc của hai giao tử đực và một giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

**D.** Sự kết hợp có chọn lọc của giao tử cái với nhiều giao tử đực và một tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

1. Nguyên tắc của nhân bản vô tính là:

**A.** Chuyển nhân của tế bào xôma (n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

**B.** Chuyển nhân của tế bào xôma (2n) vào một tế bào trứng đã lấy mất nhân, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

**C.** Chuyển nhân của tế bào xôma (2n) vào một tế bào trứng, rồi kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

**D.** Chuyển nhân của tế bào trứng vào tế bào xôma, kích thích tế bào trứng phát triển thành phôi rồi phát triển thành cơ thể mới.

1. Hạn chế của sinh sản vô tính là:

**A.** Tạo ra các thế hệ con cháu không đồng nhất về mặt di truyền, nên thích nghi khác nhau trước điều kiện môi trường thay đổi.

**B.** Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng đồng nhất trước điều kiện môi trường thay đổi.

**C.** Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng kém trước điều kiện môi trường thay đổi.

**D.** Tạo ra các thế hệ con cháu đồng nhất về mặt di truyền, nên thích ứng chậm chạp trước điều kiện môi trường thay đổi.

1. Hướng tiến hoá về sinh sản của động vật là:

**A.** Từ vô tính đến hữu tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.

**B.** Từ hữu tính đến vô tính, từ thụ tinh ngoài đến thụ tinh trong, từ đẻ trứng đến đẻ con.

**C.** Từ vô tính đến hữu tính, từ thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ trứng đến đẻ con.

**D.** Từ vô tính đến hữu tính, thụ tinh trong đến thụ tinh ngoài, từ đẻ con đến đẻ trứng.

1. Đặc điểm nào kông phải là ưu thế của sinh sản hữu tính so với sinh sản vô tính ở động vật?

**A.** Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống.

**B.** Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

**C.** Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

**D.** Là hình thức sinh sản phổ biến.

1. Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật diễn ra đơn gian nhất?

**A.** Nảy chồi. **B.** Trinh sinh. **C.** Phân mảnh. **D.** Phân đôi.

1. Hình thức sinh sản vô tính nào có ở động vật không xương sống và có xương sống?

**A.** Phân đôi. **B.** Nảy chồi. **C.** Trinh sinh. **D.** Phân mảnh.

1. Bản chất của quá trình thụ tinh ở động vật là:

**A.** Sự kết hợp của hai giao tử đực và cái.

**B.** Sự kết hợp của nhiều giao tử đực với một giao tử cái.

**C.** Sự kết hợp các nhân của nhiều giao tử đực với một nhân của giao tử cái.

**D.** Sự kết hợp hai bộ nhiễm sắc thể đơn bội (n) của hai giao tử đực và cái tạp thành bộ nhiễm sắc thể lưỡng bộ (2n) ở hợp tử.

1. Điều nào không đúng khi nói về thụ tinh ở động vật?

**A.** Tự phối (tự thụ tinh) là sự kết hợp giữa 2 giao tử đực và cái cùng được phát sinh từ một cơ thể lưỡng tính.

**B.** Các động vật lưỡng tính chỉ có hình thức tự thụ tinh.

**C.** Giao phối (thụ tinh chéo) là sự kết hợp giữa hai giao tử đực và cái được phát sinh từ hai cơ thể khác nhau.

**D.** Một số dạng động vật lưỡng tính vẫn xảy ra thụ tinh chéo.

1. Hình thức sinh sản vô tính nào ở động vật sinh ra được nhiều cá thể nhất từ một cá thể mẹ?

**A.** Nảy chồi. **B.** Phân đôi. **C.** Trinh sinh. **D.** Phân mảnh.

1. Ý nào không phải là sinh sản vô tính ở động vật đa bào?

**A.** Trứng không thụ tinh (trinh sinh) phát triển thành cơ thể.

**B.** Bào tử phát triển thành cơ thể mới.

**C.** Mảnh vụn từ cơ thể phát triển thành cơ thể mới.

**D.** Chồi con sau khi được hình thnành trên cơ thể mẹ sẽ được tách ra thành cơ thể mới.

1. Điều nào không đúng khi nói về sinh sản của động vật?

**A.** Động vật đơn tính chỉ sinh ra một loại giao tử đực hoặc cái.

**B.** Động vật đơn tính hay lưỡng tính chỉ có hình thức sinh sản hữu tính.

**C.** Động vật lưỡng tính sinh ra cả hai loại giao tử đực và cái.

**D.** Có động vật có cả hai hình thức sinh sản vô tính và hữu tính.

1. Hình thức sinh sản vô tính nào có cả ở động vật đơn bào và đa bào?

**A.** Trinh sinh. **B.** Phân mảnh. **C.** Phân đôi. **D.** Nảy chồi.

1. Tuyến yên tiết ra những chất nào?

**A.** FSH, testôstêron. **B.** LH, FSH

**C.** Testôstêron, LH. **D.** Testôstêron, GnRH.

1. LH có vai trò:

**A.** Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

**B.** Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêrôn

**C.** Kích thích phát triển ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

**D.** Kích thích tuyến yên tiết FSH.

1. Sự điều hoà sinh tinh và sinh trứng chịu sự chi phối bởi:

**A.** Hệ thần kinh. **B.** Các nhân tố bên trong cơ thể.

**C.** Các nhân tố bên ngoài cơ thể. **D.** Hệ nội tiết.

1. Inhibin có vai trò:

**A.** Ức chế tuyến yên sản xuất FSH.

**B.** Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron

**C.** Kích thích phát triển ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

**D.** Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

1. Tế bào sinh tinh tiết ra chất nào?

**A.** Testôstêron. **B.** FSH. **C.** Inhibin. **D.** GnRH.

1. Đặc điểm nào không phải là ưu thế của sinh sản giao phối so với sinh sản tự phối ở động vật?

**A.** Tạo ra được nhiều biến dị tổ hợp làm nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống.

**B.** Duy trì ổn định những tính trạng tốt về mặt di truyền.

**C.** Là hình thức sinh sản phổ biến.

**D.** Có khả năng thích nghi với những điều kiện môi trường biến đổi.

1. FSH có vai trò:

**A.** Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

**B.** Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron

**C.** Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

**D.** Kích thích tuyến yên sản sinh LH.

1. LH có vai trò:

**A.** Kích thích phát triển nang trứng.

**B.** Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

**C.** Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

**D.** Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

1. Sinh sản theo kiểu giao phối tiến hoá hơn sinh sản vô tính là vì:

**A.** Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

**B.** Thế hệ sau có sự đồng nhất về mặt di truyền tạo ra khả năng thích nghi đồng loạt trước sự thay đổi ủa điều kiện môi trường.

**C.** Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có hại và tăng cường khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

**D.** Thế hệ sau có sự tổ hợp vật chất di truyền có nguồn gốc khác nhau tạo ra sự đa dạng về mặt di truyền, làm xuất hiện nhiều biến dị tổ hợp có lợi thích nghi với sự thay đổi của môi trường.

1. Thể vàng tiết ra những chất nào?

**A.** Prôgestêron và Ơstrôgen. **B.** FSH, Ơstrôgen.

**C.** LH, FSH. **D.** Prôgestêron, GnRH

1. FSH có vai trò:

**A.** Kích thích phát triển nang trứng.

**B.** Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

**C.** Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

**D.** Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

1. Thụ tinh trong tiến hoá hơn thụ tinh ngoài là vì?

**A.** Không nhất thiết phải cần môi trường nước.

**B.** Không chịu ảnh hưởng của các tác nhân môi trường.

**C.** Đỡ tiêu tốn năng lượng.

**D.** Cho hiệu suất thụ tinh cao.

1. Khi nồng độ testôstêron trong máu cao có tác dụng:

**A.** Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.

**B.** Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm làm hai bộ phận này không tiết GnRH, FSH và LH.

**C.** Kích thích tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

**D.** Gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

1. GnRH có vai trò:

**A.** Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

**B.** Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra testôstêron.

**C.** Kích thích tuyến yên sản sinh LH và FSH.

**D.** Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

1. Testôstêron có vai trò:

**A.** Kích thích tuyến yên sản sinh LH.

**B.** Kích thích tế bào kẽ sản sinh ra FSH.

**C.** Kích thích phát triển ống sinh tinh và sản sinh tinh trùng.

**D.** Kích thích ống sinh tinh sản sinh ra tinh trùng.

1. Tế bào kẽ tiết ra chất nào?

**A.** LH. **B.** FSH. **C.** Testôstêron. **D.** GnRH.

1. Prôgestêron và Ơstrôgen có vai trò:

**A.** Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

**B.** Kích thích phát triển nang trứng.

**C.** Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

**D.** Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

1. Những yếu tố nào sau đây gây rối loạn quá trình sinh trứng và làm giảm khả năng sinh tinh trùng?

**A.** Căng thẳn thần kinh (Stress), sợ hải, lo âu, buồn phiền kéo dài và nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma tuý.

**B.** Căng thẳn thần kinh (Stress), sợ hải, lo âu, buồn phiền kéo dài và thiếu ăn, suy dinh dưỡng.

**C.** Căng thẳn thần kinh (Stress), sợ hải, lo âu, buồn phiền kéo dài và chế độ ăn không hợp lý gây rối loạn trao đổi chất của cơ thể.

**D.** Chế độ ăn không hợp lý gây rối loạn trao đổi chất của cơ thể nghiện thuốc lá, nghiện rượu, nghiện ma tuý.

1. Biện pháp cho thụ tinh nhân tạo đạt sinh sản cao và dễ đạt được mục đích chọn lọc những đặc điểm mong muốn ở con đực giống?

**A.** Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

**B.** Thụ tinh nhân tạo bên trong cơ thể.

**C.** Nuôi cấy phôi.

**D.** Thụ tinh nhân tạo bên ngoài cơ thể.

1. Khi nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen trong máu tăng cao có tác dụng:

**A.** Gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

**B.** Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH.

**C.** Kích thích tuyến yênvà vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH.

**D.** Ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm hai bộ phận này không tiết GnRH, FSH và LH.

1. Thụ tinh nhân tạo được thực hiện theo biện pháp nào?

**A.** Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

**B.** Thay đổi yếu tố môi trường.

**C.** Nuôi cấy phôi.

**D.** Thụ tinh nhân tạo.

1. GnRH có vai trò:

**A.** Kích thích phát triển nang trứng.

**B.** Kích thích tuyến yên tiết hoocmôn.

**C.** Kích thích nang trứng chín và rụng trứng, hình thành và duy trì thể vàng hoạt động.

**D.** Kích thích dạ con phát triển chuẩn bị cho hợp tử làm tổ.

1. Điều hoà ngược âm tính diễn ra trong quá trình trinh sinh trứng khi:

**A.** Nồng độ GnRH giảm. **B.** Nồng độ FSH và LH ccao.

**C.** Nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen giảm. **D.** Nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen cao.

1. Biện pháp nào có tính phổ bến và hiệu quả trong việc điều khiển tỷ lệ đực cái?

**A.** Phân lập các loại giao tử mang nhiễm sắc thể X và nhiễm sắc thể Y rồi sau đó mới cho thụ tinh.

**B.** Dùng các nhân tố môi trường ngoài tác động.

**C.** Dùng các nhân tố môi trường trong tác động.

**D.** Thay đổi cặp nhiễm sắc thể gới tính ở hợp tử.

1. Những biện pháp nào thúc đẩy trứng chín nhanh và rụng hàng loạt?

**A.** Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp, thay đổi yếu tố môi trường.

**B.** Nuôi cấy phôi, thụ tinh nhân tạo.

**C.** Nuôi cấy phôi, thay đổi các yếu tố môi trường.

**D.** Nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

1. Tỷ lệ đực cái ở động vật bậc cao xấp xỉ tỷ lệ 1:1 phụ thuộc chủ yếu vào yếu tố nào?

**A.** Cơ chế xác định giới tính.

**B.** Ảnh hưởng của môi trường trong cơ thể.

**C.** Ảnh hưởng của môi trường ngoài cơ thể.

**D.** Ảnh hưởng của tập tính giao phối.

1. Tại sao cấm xác định giới tính ở thai nhi người?

**A.** Vì sợ ảnh hưởng đến tâm lí của người mẹ.

**B.** Vì tâm lí của người thân muốn biết trước con trai hay con gái.

**C.** Vì sợ ảnh hưởng đến sự phát triển của thai nhi.

**D.** Vì định kiến trọng nam khinh nữ, dẫn đến hành vi làm thay đổi tỷ lệ trai và gái.

1. Cơ sở khoa học của uống thuốc tránh thai là:

**A.** Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

**B.** Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

**C.** Làm tăng nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

**C.** Làm giảm nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm tăng tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

**D.** Làm giảm nồng độ Prôgestêrôn và ơstrôgen trong máu gây ức chế ngược lên tuyến yên và vùng dưới đồi làm giảm tiết GnRH, FSH và LH nên trứng không chín và không rụng.

1. Thụ tinh nhân tạo được sử dụng trong các biện pháp nào?

**A.** Nuôi cáy phôi, thay đổi các yếu tố môi trường.

**B.** Thụ tinh nhân tạo, nuôi cấy phôi, sử dụng hoocmôn hoặc chất kích thích tổng hợp.

**C.** Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích tổng hợp, thay đổi các yếu tố môi trường.

**D.** Thay đổi các yếu tố môi trường, nuôi cấy phôi, thụ tinh nhân tạo.

1. Biện pháp nào làm tăng hiệu quả thụ tinh nhất?

**A.** Thay đổi các yếu tố môi trường. **B.** Thụ tinh nhân tạo.

**C.** Nuôi cấy phôi. **D.** Sử dụng hoocmôn hoặc chất kích tổng hợp.

1. Điều hoà ngược âm tính diễn ra trong quá trình sinh tinh trùng khi:

**A.** Nồng độ GnRH cao. **B.** Nồng độ testôstêron cao.

**C.** Nồng độ testôstêron giảm. **D.** Nồng độ FSH và LH giảm.

1. Ý nào không đúng với sinh đẻ có kế hoạch?

**A.** Điều chỉnh khoảng cách sinh con. **B.** Điều chỉnh sinh con trai hay con gái.

**C.** Điều chỉnh thời điểm sinh con. **D.** Điều chỉnh về số con.

1. Ý nào dưới đây không đúng với vai trò thoát hơi nước ở lá?

**A.** Tạo ra một sức hút nước của rể.

**B.** Làm giảm nhiệt độ của bề mặt lá.

**C.** Làm cho khí khổng mở và khí CO2 sẽ đi từ không khí vào lá cung cấp cho quá trình quang hợp.

**D.** Làm cho khí khổng mở và khí O2 sẽ thoát ra không khí.

1. Hô hấp sáng là quá trình hô hấp:

**A.** Làm tăng sản phẩm quang hợp. **B.** Xảy ra trong bóng tối.

**C.** Tạo ATP. **D.** Xảy ra ngoài ánh sáng.